

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SU

Mã hồ sơ:



(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ; Nội dung không đúng thì để trống:

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ; Giảng viên thỉnh giảng

Ngành: Tâm lý học; Chuyên ngành: Công tác xã hội

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: NGUYỄN HIỆP THƯƠNG

2. Ngày tháng năm sinh: 02/02/1976 Nam; ; Quốc tịch: Việt Nam;

Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam:

4. Quê quán: Xã Dạ Trạch - Huyện Khoái Châu -Tỉnh Hưng Yên

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Xóm 5, thôn Yên Vĩnh, Dạ Trạch, Khoái Châu, Hưng Yên

6. Địa chỉ liên hệ: Phòng 301ĐN1- Tòa 2A -Vinaconex7 – 136 Hồ Tùng Mậu - P.Phú Diễn - Q.Bắc Từ Liêm - Tp.Hà Nội

Điện thoại nhà riêng:; Điện thoại di động: 0984.82.1975;

E-mail: thuongnh@hnue.edu.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ năm 1997 đến năm 2001, sinh viên khoa Tâm lý giáo dục - Trường ĐHSP Hà Nội
- Từ năm 2001 đến năm 2003, học viên khoa Giáo dục Đặc biệt (Lớp cử nhân chuyên tu Giáo dục Đặc biệt do Ủy ban II Hà Lan phối hợp cùng trường ĐHSPTN tổ chức)
- Từ năm 2004 đến năm 2005 GV khoa Giáo dục đặc biệt -Trường ĐHSP Hà Nội
- Từ năm 2005 đến năm 2006 học thạc sỹ Giáo dục đặc biệt tại Ấn Độ
- Từ năm 2007 đến năm 2011, Trưởng bộ môn CTXH với trẻ em, khoa Giáo dục Đặc

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
biệt - Trường ĐHSP Hà Nội

- Từ năm 2011 đến năm 2015, Phó trưởng khoa CTXH - Trường ĐHSP Hà Nội
- Từ năm 2015 đến nay: Trưởng khoa CTXH - Trường ĐHSP Hà Nội.
- Chức vụ hiện nay: Bí thư chi bộ -Trưởng khoa CTXH -Trường ĐHSP Hà Nội; Chức vụ cao nhất đã qua: Trưởng khoa.
- Cơ quan công tác hiện nay: Khoa Công tác Xã hội -Trường ĐHSP Hà Nội
- Địa chỉ cơ quan: Tầng 3 nhà D3, 136 Xuân Thủy, Cầu Giấy Hà Nội
- Điện thoại cơ quan: 02432191073

8. Đã nghỉ hưu từ thángnăm

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có):

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

9. Trình độ đào tạo:

- Được cấp bằng ĐH ngày 20 tháng 07 năm 2001, ngành: Tâm lý - Giáo dục, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng ĐH (trường, nước): Trường ĐHSP Hà Nội

- Được cấp bằng Thạc sĩ ngày 02 tháng 09 năm 2006, ngành: Giáo dục Đặc biệt, chuyên ngành: Khiếm Thị

Nơi cấp bằng ThS (trường, nước): Ấn Độ

- Được cấp bằng Tiến sĩ ngày 23 tháng 01 năm 2017, ngành: Tâm lý học, chuyên ngành:

Nơi cấp bằng Tiến sĩ (trường, nước): Học viện Khoa học Xã hội - Viện Hàn lâm Khoa học Xã hội Việt Nam.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày tháng năm
ngành:

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS cơ sở: Trường ĐHSP Hà Nội.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó Giáo Sư tại HĐGS ngành, liên ngành: Tâm lý học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

- *Giáo dục đặc biệt; Công tác xã hội với người khuyết tật;*
- *Công tác xã hội với trẻ em và gia đình; Công tác xã hội trường học*
- *Tâm lý học ứng dụng*

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn (số lượng) NCS bảo vệ thành công luận án TS;
- Đã hướng dẫn (số lượng) 06 HVCH bảo vệ thành công luận văn ThS

- Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước*
- Đã hoàn thành đề tài NCKH từ cấp cơ sở trở lên: số lượng 04 (cấp cơ sở 01, cấp bộ 03)
 - Đã công bố 24 bài báo khoa học, trong đó 06 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín (có 02 bài báo khoa học trên tạp chí quốc tế có uy tín là tác giả chính, người đứng đầu)
 - Số lượng sách đã xuất bản 14 quyển, trong đó 13 quyển thuộc nhà xuất bản có uy tín;

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

15.1. Danh hiệu thi đua

Năm	Danh hiệu thi đua	Số, ngày, tháng, năm của quyết định công nhận danh hiệu thi đua; cơ quan ban hành quyết định
2011-2012	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 2692 QĐ-ĐHSP Hà Nội, ngày 30/07/2012. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2012-2013	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 3489 QĐ-ĐHSP Hà Nội, ngày 11/07/2013. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2013-2014	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 4062 QĐ-ĐHSP Hà Nội, ngày 25/07/2014. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2015-2016	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 3978 QĐ-ĐHSP Hà Nội, ngày 07/07/2016. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2016-2017	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 5906 QĐ-ĐHSP Hà Nội, ngày 21/07/2017. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2017 - 2018	Chiến sĩ thi đua cấp Bộ	Quyết định số: 1108 QĐ-Bộ GD&ĐT, ngày 23/03/2018. Bộ Trưởng Bộ GD&ĐT
2018-2019	Chiến sĩ thi đua cấp cơ sở	Quyết định số: 8663/QĐ-ĐHSPHN, ngày 09/08/2019

15.2. Hình thức khen thưởng:

Năm	Hình thức khen thưởng	Số, ngày, tháng, năm của quyết định khen thưởng; cơ quan ban hành quyết định
2011	Giấy khen	Quyết định số: 1928/ TĐ-KT, ngày 21/06/2011. Hiệu trưởng Trường ĐHSP Hà Nội
2011	Giấy khen	Quyết định số: 204- QĐ-ĐU, ngày 25/01/2011. Bí Thư Đảng ủy Trường ĐHSP Hà Nội
2013	Giấy khen	QĐ số: 417-QĐ/ĐU ngày 03/01/2014 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội.
2013	Bằng khen	QĐ số: 6108/QĐ-BGDĐT ngày 30/12/2013 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo

2015	Giấy khen	QĐ số: 62 –QĐ/ĐU ngày 14 / 1 /201 6 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội.
2016	Giấy khen	QĐ số: 249 –QĐ/ĐU ngày 30 / 12 /2016 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội.
2016	Bằng khen	QĐ số: 1469 /QĐ-BGDĐT ngày 09 /05/2016 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo
2017	Bằng Khen	QĐ số 242/QĐ-LĐTBXH ngày 23/03/2017 của Bộ trưởng Bộ Lao động Thương binh và Xã hội
2018	Giấy khen	QĐ số: 01– QĐ/ĐU ngày 05 / 01 /2017 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội.
2019	Giấy khen	QĐ số: 18 –QĐ/ĐU ngày 25 / 02 /2019 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội.
2019	Giấy khen	Ban chấp hành Đảng Bộ khối các trường Đại học, Cao đẳng Hà Nội, QĐ số: 3688-QĐ/ĐUK ngày 22/11/2019
2020	Giấy khen	QĐ số: 188–QĐ/ĐU ngày 21/02/2020 của Ban Chấp Hành Đảng Bộ Trường ĐHSP Hà Nội
2020	Giấy khen	Số 3440/TĐ-KT ngày 26/08/2020 của Hiệu trưởng trường ĐHSPHN
2020	Giấy khen	QĐ khen thưởng số:118/QĐ-CD ngày 18/09/2020 của BCH công đoàn trường ĐHSP Hà Nội.

16. Kỷ luật: Không

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH GIÁO SƯ/PHÓ GIÁO SƯ

1. Tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo (tự đánh giá):

Nghiên cứu tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo được quy định trong Luật Giáo dục, Thông tư số 47/2014/TT-BGD-ĐT tôi thấy bản thân đáp ứng đầy đủ các tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo Việt Nam. Cụ thể như sau:

Về tiêu chuẩn nhà giáo:

a) Có tư cách đạo đức tốt, có bản lĩnh chính trị vững vàng, luôn giữ quan hệ đúng mực với đồng nghiệp, học viên và sinh viên, thường xuyên trao đổi tư cách đạo đức của người giảng viên, tận tâm với công việc nghiên cứu, giảng dạy và tận tình với sinh viên, học viên, trung thực trong quá trình nghiên cứu khoa học. Qua nhiều năm công tác, tôi không bị bất cứ hình thức kỷ luật nào.

b) Tôi đã được đào tạo đạt chuẩn về trình độ chuyên môn, nghiệp vụ trong lĩnh vực Tâm lý học và chuyên sâu công tác xã hội - Một lĩnh vực đào tạo tuy còn mới nhưng rất

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước
quan trọng và cần thiết đối với xã hội hiện nay. Tôi đã tham dự các khóa đào tạo chuyên sâu lấy chứng nhận sau đại học về công tác xã hội do giảng viên đến từ Đại học Sanjose State – Hoa Kỳ giảng dạy, tham dự nhiều khóa đào tạo tập huấn giảng viên nguồn về công tác xã hội, được trang bị các kỹ năng nghiên cứu khoa học, tập huấn, đào tạo chuyên môn; Kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, làm việc nhóm tốt, chịu được áp lực cao trong công việc;

c) Về sức khoẻ theo yêu cầu nghề nghiệp: Tôi có sức khoẻ tốt đáp ứng yêu cầu của một giảng viên;

d) Bản thân có lý lịch rõ ràng.

Về nhiệm vụ: Tự đánh giá về bản thân, trong nhiều năm qua, tôi đã thực hiện đầy đủ các nhiệm vụ của một nhà giáo Việt Nam, cụ thể:

+ Giảng dạy theo mục tiêu, quan điểm, chương trình đào tạo của Bộ Giáo dục và Đào tạo và Trường Đại học Sư phạm Hà Nội;

+ Gương mẫu chấp hành các chủ trương, đường lối của Đảng, pháp luật của Nhà nước và nội quy, quy chế của Trường; Thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của công dân ở cơ quan công tác và nơi sinh sống;

+ Luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín của một nhà giáo; đối xử công bằng với các học viên, sinh viên; bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của học viên, sinh viên; Không ngừng phấn đấu, rèn luyện, học tập nâng cao trình độ, năng lực chuyên môn, nghiệp vụ và phẩm chất để phục vụ tốt cho công tác giảng dạy và làm gương cho học viên, sinh viên;

+ Hoàn thành tốt các nhiệm vụ mà cơ sở đào tạo giao phó như công tác quản lý, giảng dạy, nghiên cứu; tham gia biên soạn sách, giáo trình, tài liệu phục vụ đào tạo đại học và sau đại học; tham gia các hội đồng khoa học, hội đồng đánh giá luận văn thạc sỹ tại các cơ sở đào tạo Công tác xã hội; tham gia hội đồng nghiệm thu các đề tài nghiên cứu khoa học cấp cơ sở và cấp bộ tại các cơ sở đào tạo và Bộ; đã tham gia nghiên cứu đề tài khoa học cấp Bộ, cấp cơ sở.

+ Có tinh thần đoàn kết, giúp đỡ và hợp tác với các đồng nghiệp trong quá trình nghiên cứu, giảng dạy và các công tác khác.

2. Thời gian tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên (*):

- Tổng số 17 năm.

- Khai cụ thể ít nhất 6 năm học, trong đó có 3 năm học cuối tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS/CK2/BSNT đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	
1	2015-2016				02	495		495/117/202.5
2	2016-2017				02	495		495/117/202.5
3	2017-2018				02	725		725/117/202.5
3 năm học cuối								
4	2018-2019			03	02	642	60	702/260/202.5
5	2019-2020			03	01	525	60	585/235/202.5
6	2020-2021			03	01	420	140	560/235/189

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ ngày 11/09/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

3. Ngoại ngữ: Tiếng Anh

3.1. Ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh

a) Được đào tạo ở nước ngoài:

- Học ĐH ; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận văn ThS hoặc luận án TS; tại nước: Ấn Độ, năm: 2006

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước:

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ:số bằng:; năm cấp:.....

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài:

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ):

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT đã được cấp bằng/có quyết định cấp bằng

TT	Họ tên NCS hoặc HVCH/CK2/BS NT	Đối tượng		Trách nhiệm hướng dẫn		Thời gian hướng dẫn từ ... đến ...	Cơ sở đào tạo	Ngày, tháng, năm được cấp bằng/có quyết định cấp bằng
		NCS	HVCH/ CK2/BS NT	Chính	Phụ			
1.	Nguyễn Thị Huyền Hà		X	X		10/2018- 06/2019	ĐHSP Hà Nội	2019
2.	Nguyễn Thị Hóa		X	X		10/2018- 06/2019	ĐHSP Hà Nội	2019
3.	Nguyễn Thị Ý Nhi		X	X		10/2018- 06/2019	ĐHSP Hà Nội	2029
4.	Bùi Xuân Hòe		X	X		10/2019- 6/2020	ĐHSP Hà Nội	2020
5.	Nguyễn Trọng Đức		X	X		10/2019- 6/2020	ĐHSP Hà Nội	2020
6.	Nguyễn Mạnh Tường		X	X		10/2019- 6/2020	ĐHSP Hà Nội	2020

Ghi chú: Ứng viên chức danh GS chỉ kê khai thông tin về hướng dẫn NCS.

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phần biên soạn	Xác nhận của CS GDDH (Số văn bản xác nhận sử dụng sách)
Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Lý tưởng cuộc đời	TK	NXB Thanh Niên, GPXB số: 253- 2008/CXB/398- 08/TN; Nộp lưu chiểu quý III/2009	02		Biên soạn từ trang 54	
2	Tâm lý học xã hội	GT	NXB ĐHSP Hà Nội; KHXB số:994-			Biên soạn Chương	Số 173/GCN-

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

			2011/CXB/1-33/ĐHSP ngày 6/9/2011; nộp lưu chiểu tháng 1/2012.	04		4,5	ĐHSPHN ngày 29/06/2020
3	Tài liệu quản lý trường hợp với người sử dụng ma túy	HD	NXB Lao động - Xã hội, số ĐKXB:1665-2013/CXB/03-275/LĐXH Số GPXB:713/QĐ-NXBLĐXH Mã số sách quốc tế ISBN:978-604-65-0890-8 Quý 4/2013	06		Biên soạn chương I và phần I của chương II	Số 173/GCN-ĐHSPHN ngày 29/06/2020
4	Tài liệu hướng dẫn thực hành CTXH với nạn nhân mua bán người	HD	NXB Hồng Đức, ĐKXB số 638-2013/CXB/03-23/HĐ; In và nộp lưu chiểu quý IV/2013	04	CB		Số 173/GCN-ĐHSPHN ngày 29/06/2020
5	Công tác xã hội với trẻ em và gia đình	GT	NXB Lao động - Xã hội, ĐKXB số 2044 - 2013/CBX/19-333/LĐXH In xong và nộp lưu chiểu quý I/2014		ĐCB		Số 173/GCN-ĐHSPHN ngày 29/06/2020
6	Công tác xã hội với người khuyết tật	CK	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội; Số xuất bản: 481-2014/CXB/01-145/ĐHQGHN, ngày 29/4/2014; QĐXB số 06 KH-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN In và nộp lưu chiểu quý II/2014	12		Biên soạn Chương 1,2,3 từ trang 23-84	Số 173/GCN-ĐHSPHN ngày 29/06/2020
Sau khi được công nhận Tiến sĩ							

7	Công tác xã hội với học sinh nghiện Internet	GT	NXB Giáo dục, Số ĐKXB: 1338-2019/CXBIPH/9-507/GD Số QĐXB:3795/QĐ-GD-HN ngày 24/7/2019 In và nộp lưu chiểu tháng 8/2019 Mã số ISBN: 978-604-0-17574-8	05	CB	Số 173/GCN-ĐHSPHN ngày 29/06/2020
8	Đại cương công tác xã hội trường học	GT	NXB Giáo dục, Số ĐKXB:2132-2020/CXBIPH/6-1081/GD Số QĐXB:2099/QĐ-GD-HN ngày 26/06/2020	05	CB	Số 173/GCN-ĐHSPHN ngày 29/06/2020
9	Công tác xã hội với trẻ em	CK	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, ĐKXB: 1691-2020/CXBIPH/05-139/ĐHQGHN ngày 19/05/2020 QĐXB số: 693 LK-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 09/06/2020	06	CB	Số 173/GCN-ĐHSPHN ngày 29/06/2020
10	Kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội	CK	NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội, 2020	01	CB	Số 173/GCN-ĐHSPHN ngày 29/06/2020
11	Kỹ năng phòng chống bạo lực học đường (Dành cho học sinh tiểu học)	HD	NXB Giáo dục Mã số: C1G07H0 Số đăng kí KHXB: 52-2020/CXBIPH/15-02/GD. Số QĐXB: 308/QĐ –	06	CB	

			GD-HN ngày 14/02/2020. Mã ISBN: 978-604-0- 19981-2				
12	Cách ứng phó với cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư, một số vấn đề lý luận và thực tiễn.	CK	NXB Đại học quốc gia. 2020	09		Tham gia biên soạn chương 1. tổng quan tình hình nghiên cứu cứu	Mã ISBN 978-604-315-569-3 Mã số 501.01-2018.302
13	Sổ tay chăm sóc sức khỏe tinh thần (dành cho người nhà chăm sóc bệnh nhân)	HD	Nhà xuất bản đại học quốc gia. 2020	09		Tham gia các phần	ISBN 978-604-315-372-9 Mã số: 501.0101-2018.302
14	Hướng dẫn trả lời câu hỏi trắc nghiệm, tự luận và thực hành nhập môn CTXH	TK	Nhà xuất bản giáo dục việt nam. 2020	02		Tham gia các phần	ISBN 978-604-0-22930-4

Trong đó, số lượng sách chuyên khảo do nhà xuất bản có uy tín xuất bản và chương sách do nhà xuất bản có uy tín trên thế giới xuất bản sau tiến sĩ gồm **03 sách chuyên khảo** là: Kỹ năng tham vấn cho cha mẹ trẻ tự kỷ của nhân viên CTXH; Công tác xã hội với trẻ em; Cách ứng phó với cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư (một số vấn đề lý luận và thực tiễn) do NXB ĐHQG Hà Nội xuất bản năm 2020.

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/ PCN/ TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	Trước khi được công nhận Tiến sĩ				
1	Xây dựng tài liệu cho phụ huynh và nhân viên xã hội hướng dẫn trẻ em phòng tránh	CN	SPHN- 08-239	2008-2009	08/02/2010

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

	xâm hại thể chất và tình dục				Đạt
2	Các yếu tố ảnh hưởng và biện pháp can thiệp công tác xã hội nhằm giảm thiểu hành vi gây hấn của học sinh trung học cơ sở	TK	B2013-17-32	2013-2014	05/01/2015 Tốt
	Sau khi được công nhận Tiến sĩ				
3	Công tác xã hội nhóm trong phòng ngừa và trợ giúp trẻ em bị xâm hại tình dục	CN	B2018 - SPH - 56	2018-2019	24/06/ 2020 Đạt
4	Phòng ngừa bạo lực học đường cho học sinh trung học cơ sở thông qua công tác xã hội học đường	TV	B2019-SPH-10	2019-2021	Đã nghiệm thu cấp Bộ tháng 7/2021 Đạt đang chờ xác nhận

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế)

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố

TT	Tên bài báo /báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn (không tính tự trích dẫn)	Tập/ số trang	Tháng, năm công bố
	Trước khi được công nhận Tiến sĩ							
1	Curriculum for teacher preparation courses, EA029	1	X	Report at the 12 th ICEVI World conference, Kuala Lumpur-Malaysia,				16-21/July 2006
2	Xây dựng cơ sở thực hành: Nhu cầu thiết yếu đối với vấn đề đào tạo nghề công tác xã hội hiện nay	1	X	Tạp chí Lao động Xã hội, ISSN 0866-7643,			Số 408 Trang 45	Từ 01-15/6/ 2011
3	Sự cần thiết phát	1	X	Hội thảo khoa học			Trang	2013

	triển dịch vụ tham vấn gia đình tại Việt Nam..			quốc tế“ Enhancing professionalization of social work for development and intergration - Nâng cao tính chuyên nghiệp CTXH vì phát triển và hội nhập” NXB ĐHSP Hà Nội. QĐXB số: 1213/QĐ-ĐHSP ISBN,978604540353-2			524-531	
4	Dịch vụ tham vấn cho gia đình người khuyết tật - một nhu cầu cấp thiết hiện nay.	1	X	Hội thảo khoa học quốc tế “Reality and integration of social work development in Vietnam-Thực tiễn và hội nhập trong phát triển CTXH ở Việt Nam” NXB Thanh niên. Số ĐKKHXB: 2228-2014/CXB/09-77TN ISBN,978-604-64-1560-2			Trang 165-174	2014
5	Thực trạng vấn đề trường học và nhu cầu phát triển đội ngũ nhân viên CTXH trong trường học	4	X	Hội thảo khoa học quốc tế “School Social work – World perspective and developmental strategy for Vietnam” -Công tác xã hội trường học kinh nghiệm quốc tế và định hướng phát triển ở Việt Nam; ĐKXB: 458-2015/CXBIPH/65-			Tr.84-91	2015

				52/ĐHSP QĐXB số: 697/QĐ- NXBĐHSP ngày 06/11/2015. ISBN 978-604-54- 2527-5				
6	Thực trạng kỹ năng tham vấn chuyên biệt cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội	1	X	Tạp chí tâm lý học xã hội ISSN 0866-8019			Số 8 Trang 105 - 111.	2015
7	Thực trạng kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên công tác xã hội	2	X	Tạp chí khoa học – Trường ĐHSP Hà Nội ISSN 2354-1067			Tập 60 (Số 8C) Trang 45-57	2015
8	Vai trò và sự cần thiết phát triển Công tác xã hội trường học ở Việt Nam	2	X	Hội thảo CTXH với thanh thiếu niên ở Việt Nam trong điều kiện hội nhập và phát triển; NXB Thanh Niên; số ĐKXB: 4514-2016/CXBIBH/27-174/TN; QĐ số 34TN/QĐNXBTN, ngày 21/12/2016. ISBN: 978-604-64-6146-3			137-147	2016
9	Một số nhân tố chủ quan tác động đến kỹ năng tham vấn cho gia đình trẻ tự kỷ của nhân viên CTXH	1	X	Tạp chí khoa học – Trường ĐHSP Hà Nội ISSN 2354-1067 DOI: 10.18173/2354-1067.2016-0026 Online: http://stdb.hnue.edu.vn			Tập 61, số 2A, Tr.11- 20	2016

Sau khi được công nhận Tiến sĩ								
10	Công tác xã hội trường học: Kinh nghiệm quốc tế và một số khuyến nghị	2	X	Hội thảo quốc tế “Proceedings of international workshop on toward advancement of social work profession in Vietnam: Role of Policy – Education – Practice - Định hướng phát triển nghề công tác xã hội ở Việt Nam: Vai trò của pháp luật – đào tạo – thực tiễn NXB Đại học Huế, QĐ XB số: 28/QĐ/ĐH-NXB 22/03/2018. ISBN978-604-912-913-1			Trang 67-78	2018
11	The need and recommendation for developing school social work in Vietnam (Reporter)	2	X	The 7 th international school social work conference - Hội thảo công tác xã hội trường học quốc tế lần thứ 7 (ISSWC)	Beijing – China		PP: 638-647	2018
12	Factors Associated with Child sexual abuse in Vietnam: A Qualitative Study	4	X	American Journal of Educational research Available online at http://pubs.sciepub.com/education/7/8/2 Published by Science and Education Publishing	DOI:10.12691/education-7-8-2		7(8) PP: 537-541	2019
	Aggressive behaviour of			Proceedings of the 1 st international			PP: 708-717	2019

13	secondary students - Measuring the relative impact of teacher's responses, peer relationship and structured school interventions	3	X	Conference on innovation in learning instruction and teacher Education – ILITE 1 Competency – Based learning and teacher Education NXB ĐHSP Hà Nội. QĐ số: 1275/QĐ-NXB ĐHSP ngày 28/11/2019 ISBN 978-604-54-5848-8				
14	A Qualitative study to explore understanding and perception of sexual Harassment among teacher and students in school.	2	X	Proceedings of the 1 st international Conference on innovation in learning instruction and teacher Education – ILITE 1 Competency – Based learning and teacher Education NXB ĐHSP Hà Nội. QĐ số: 1275/QĐ-NXB ĐHSP ngày 28/11/2019 ISBN 978-604-54-5848-8			PP: 748-754	2019
15	School social work in post disaster areas: experience from the hope School project in China.	2	X	HNUE Journal of science ISSN 2354 – 1067 DOI:10.18173/2354-1067.2019-0077 Online at: http://stdb.hnue.edu.vn			Volume 63, Issue 11 PP: 165-174	2019
16	Các hướng nghiên cứu của khoa học tâm lý về cảm xúc	9		Tạp chí Tâm lý học xã hội			Số 12 Trang	2019

	âm tính và cách ứng phó với cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư			ISSN 0866-8019			81 -92	
17	Cách ứng phó với cảm xúc âm tính của người nhà bệnh nhân ung thư – nghiên cứu lát cắt ngang tại thành phố Hà Nội	9		Tạp chí Tâm lý học xã hội ISSN 0866-8019			Số 01 Trang 16-27	2020
18	Cách ứng phó của người nhà bệnh nhân ung thư với một số loại cảm xúc âm tính.			Tạp chí tâm lý học ISSN 1859-0098			Số 11 Trang 36-50	2020
19	Prioritizing the level of negative emotional coping strategies of cancer patient’s family member by using extended hierarchical analysis method	8		Growing science Journal (Decision Science letters) DOI:10.5267/J.DS L.2020.2.03	ISSN 1929-5804 Scopus (CiteScore 1.60 (Q2)) Scimago (Q3)			2020
20	Improve Capacity for child protection officers on prevention and support of sexually abused children: Evidence in Vietnam	2	X	International Journal of Management (IJM) Available online at http://www.iaeme.com/ijm/issues.asp?JType=IJM&VType=11&IType=5 DOI: 10.34218/IJM.11.5.2020.111	ISSN Print: 0976-6502 and ISSN online: 0976-6510 IAEME Publication Scopus Indexed Journal Impact factor (2020): 10.1471 (Calculated by GISI) www.jifac		Volumn 11, Issue 5 Pp:1232 -1238	May, 2020

					tor.com			
21	Factors affecting the level of social worker's fulfillment of work requirements when providing aged care services: Evidence in Vietnam	5		Management Science Letters, Doi:10.5267/j.msl.2020.7.003	Scopus Q2 www.GrowingScience.com/ms1		Volumn 10 ISSN Pp: 3463–3468	2020
22	Self-reported psychological distress among caregivers of patients with cancer: Findings from a health facility-based study in Vietnam 2019.	9		Health Psychology Open https://doi.org/10.1177/2055102920975272	Scopus Q2.		July-December 2020: Pp: 1–9	2020
23	Factors effecting the consultation skills of social workers when supporting autistic children's families: Evidence in Vietnam	3	X	Revista de Investigaciones Universidad de Quindío, https://doi.org/10.33975/riug.vol33n1.462	ISSN: 1794-631X e-ISSN: 2500-5782 ISI (ESCI)		Volumn 33 (1) PP 73-80	April, 2021
24	Coping strategies and social support among caregivers of patients with cancer: a cross-sectional study in Vietnam 2020	9		AIMS Public Health doi: 10.3934/publichealth.2021001	ISSN 2327-8994 ISI		Volume 8, Issue 1 : 1-14.	2021

-Trong đó số lượng bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học quốc tế uy tín là **06**, trong đó ứng viên là tác giả chính sau khi được cấp bằng TS: **02**

7.2. Bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích: Không

7.3. Giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

7.4. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành công tác xã hội -ĐHSP Hà Nội năm 2016	Chủ trì		Bộ Giáo dục và đào tạo	QĐ số 6229/QĐ-BGDĐT ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT về việc cho phép trường ĐHSP Hà Nội đào tạo thạc sĩ ngành CTXH.	
2	Chương trình đào tạo cử nhân công tác xã hội đáp ứng chuẩn đầu ra năm 2020	Chủ trì		Trường ĐHSP Hà Nội	QĐ số 6158/QĐ-ĐHSPHN ngày 11/12/2020 của Hiệu trưởng trường ĐHSP Hà Nội	

9. Các tiêu chuẩn không đủ so với quy định, đề xuất công trình khoa học (CTKH) thay thế*:

a) Thời gian được bổ nhiệm PGS

Được bổ nhiệm PGS chưa đủ 3 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

b) Hoạt động đào tạo

- Thâm niên đào tạo chưa đủ 6 năm, còn thiếu (số lượng năm, tháng):

- Giờ giảng dạy

+ Giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

+ Giờ chuẩn giảng dạy không đủ, còn thiếu (năm học/số giờ thiếu):

- Hướng dẫn chính NCS/HVCH, CK2/BSNT:

+ Đã hướng dẫn chính 01 NCS đã có Quyết định cấp bằng TS (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 NCS được cấp bằng TS bị thiếu:

+ Đã hướng dẫn chính 01 HVCH/CK2/BSNT đã có Quyết định cấp bằng ThS/CK2/BSNT (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn hướng dẫn 01 HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng ThS/CK2/BSNT bị thiếu:

c) Nghiên cứu khoa học

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ (UV chức danh GS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp Bộ bị thiếu:

- Đã chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở (UV chức danh PGS)

Đề xuất CTKH để thay thế tiêu chuẩn chủ trì 01 nhiệm vụ KH&CN cấp cơ sở bị thiếu:

- Không đủ số CTKH là tác giả chính:

Ban hành kèm theo Công văn số: 32/HĐGSNN ngày 20/5/2021 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

+ Đối với ứng viên chức danh GS, đã công bố được: 03 CTKH; 04 CTKH

Đề xuất sách CK/chương sách XB quốc tế thay thế cho việc UV không đủ 05 CTKH là tác giả chính theo quy định:

+ Đối với ứng viên chức danh PGS, đã công bố được: 02 CTKH

Đề xuất sách CKUT thay thế cho việc UV không đủ 03 CTKH là tác giả chính theo quy định: **Công tác xã hội với trẻ em**-NXB Đại học Quốc Gia Hà Nội; ĐKXB: 1691-2020/CXBIPH/05-139/ĐHQGHN ngày 19/05/2020; QĐXB số: 693 LK-XH/QĐ-NXB ĐHQGHN ngày 09/06/2020.

(*) Các công trình khoa học thay thế không được tính vào tổng điểm.

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những điều khai trên là đúng, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 25 tháng 06 năm 2021

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

NGUYỄN HIỆP THƯƠNG